

Quán Toan, ngày 08 tháng 9 năm 2023

BIÊN BẢN

V/v **niêm yết công khai theo**
theo Hướng dẫn số 551 của Sở GD&ĐT Hải Phòng ngày 17/03/2022
Năm học 2023- 2024

Thời gian: 10 giờ 00 phút ngày 08 tháng 9 năm 2023.

Địa điểm: Trường Mầm non Sơn Ca.

Thành phần:

1. Bà Phạm Thanh Mai - Hiệu trưởng
2. Bà Nguyễn Thị Dung - Phó Hiệu trưởng
3. Bà Mai Thị Huế - Phó hiệu trưởng
4. Bà Ngô Thị Chinh - Chủ tịch công đoàn – Thư ký
5. Bà Hoàng Thị Cẩm Nhung - Tổ trưởng tổ 3 tuổi
6. Bà Nguyễn Thị Hiền - Tổ trưởng tổ 4 tuổi
7. Bà Phạm Thảo Anh Thư - TT tổ văn phòng.

NỘI DUNG

1. Tiến hành ghi nhận và lập biên bản về việc công khai của Trường Mầm non Sơn Ca theo *Hướng dẫn số 551 của Sở GD&ĐT Hải Phòng ngày 17/03/2022* cụ thể như sau:

- Công khai cam kết chất lượng giáo dục năm học 2023– 2024;
- Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế năm học 2023-2024 của Trường Mầm non Sơn Ca;
- Công khai thông tin cơ sở vật chất của Trường Mầm non Sơn Ca năm học 2023-2024;
- Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của Trường Mầm non Sơn Ca năm học 2023-2024;
- Công khai số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng trong năm học 2023- 2024 và 2 năm tiếp theo.
- Công khai dự toán, quyết toán thu - chi năm 2023.
- Công khai Kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia giai đoạn 2020-2025.

2. Thời gian niêm yết: Từ ngày 08 tháng 9 năm 2023 đến hết ngày 08 tháng 10 năm 2023.

3. Địa điểm công khai: Bảng thông báo của Nhà trường (2 cơ sở), thông báo tại Hội đồng giáo dục nhà trường, trang Website của nhà trường.

4. Mọi ý kiến thắc mắc (nếu có) về nội dung công khai nêu trên đề nghị gửi về bộ phận văn phòng nhà trường để được giải đáp. SĐT: 02253282356.

Biên bản được lập xong vào lúc 11 giờ 00 cùng ngày, đã đọc cho các thành phần tham dự nghe, thống nhất kí tên dưới đây.!

CHỦ TỊCH CÔNG ĐOÀN



Ngô Thị Chinh

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



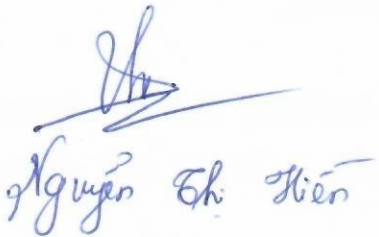
Nguyễn Thị Dung

HIỆU TRƯỞNG

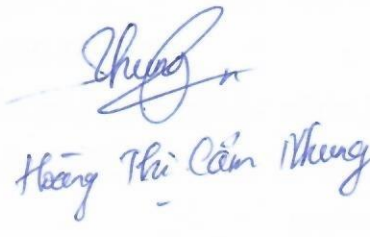


Phạm Thanh Mai

TTCM



Nguyễn Thị Hiền



Hoàng Thị Cẩm Nhung

KẾ TOÁN



Phạm Thảo Anh Thư

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Kết quả dự kiến đạt được trong năm học	
		Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Tên chương trình giáo dục mầm non thực hiện	TT 28/2016/BGDĐT ngày 30/12/2016	TT 28/2016/BGDĐT ngày 30/12/2016
II	Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ dự kiến đạt được		
1	Chất lượng nuôi dưỡng trẻ	92-95%	95%-98%
2	Chất lượng chăm sóc sức khỏe, đảm bảo an toàn cho trẻ	92-95%	95%-98%
3	Chất lượng giáo dục trẻ	95%	98%
IV	Các hoạt động hỗ trợ nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ ở cơ sở GDMN (nếu có)	Đúng theo quy định	Đúng theo quy định

Hồng Bàng, ngày 08 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thanh Mai

THÔNG BÁO
Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế
Năm học 2023-2024

ST T	Nội dung		Kết quả thực tế đạt được trong năm học								
			Toàn trường		Trong đó chia ra						
			Kết quả đạt được	Đánh giá mức độ đạt được so với dự kiến ban đầu	Nhà trẻ			Mẫu giáo			
					3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi	
1	Huy động trẻ	Tổng số trẻ em	309	92			36	71	104	98	
		Trẻ học nhóm ghép	0								
		Trẻ học 2 buổi / ngày	0								
		Trẻ khuyết tật học hòa nhập	0								
2	Chất lượng nuôi dưỡng trẻ	Trẻ được tổ chức ăn bán trú	309	100%			36	71	104	98	
		Trẻ được cung cấp chế độ và khẩu phần ăn đảm bảo theo nhu cầu khuyến nghị	309	100%			36	71	104	98	
3	Chất lượng chăm sóc sức khỏe, đảm bảo an toàn cho trẻ	Trẻ được khám sức khỏe định kỳ	309	100%			36	71	104	98	
		Trẻ được cân đo, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định	309	100%			36	71	104	98	
		Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ	Trẻ có cân nặng bình thường	291	94,20%			35	69	100	87
			Trẻ có chiều cao bình thường	295	95,50%			35	65	98	97
			Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	5	1,60%				1	3	1
			Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi mức độ nhẹ	13	4,20%			1	6	6	

ST T	Nội dung		Kết quả thực tế đạt được trong năm học									
			Toàn trường		Trong đó chia ra							
			Kết quả đạt được	Đánh giá mức độ đạt được so với dự kiến ban đầu	Nhà trẻ			Mẫu giáo				
3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi			3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi					
		Trẻ suy dinh dưỡng thể gầy còm	3	1%					3			
		Trẻ thừa cân	10	3,20%				3	1	6		
		Trẻ béo phì	6	1,90%								
		Trẻ được đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần	7				2				5	
4	Chất lượng giáo dục trẻ	Trẻ đi học chuyên cần	309				36	71	104	98		
		Đánh giá chất lượng giáo dục	Trẻ được đánh giá ở mức đạt	300	97%			33	69	101	97	
			Trẻ được đánh giá ở mức cần cố gắng	9	3%		0	3	2	3	1	
			Trẻ được đánh giá ở mức chưa đạt	0								
		Trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN	98								98	
		Trẻ khuyết tật học hòa nhập được đánh giá có tiến bộ	0									

Hồng Bàng, ngày 08 tháng 9 năm 2023



Phạm Thanh Mai

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non
Năm học 2023-2024**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	13	
II	Loại phòng học	13	
1	Phòng học kiên cố	13	1,9
2	Phòng học bán kiên cố		
3	Phòng học tạm		
4	Phòng học nhờ		
III	Số điểm trường	2	
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	1.795,00	5,8
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	765	2,5
VI	Tổng diện tích một số loại phòng	2590	8,4
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	701,9	2,3
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)		0,0
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	125	0,4
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	271,2	0,9
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	113,2	0,4
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	80	0,3
7	Diện tích nhà bếp và nhà kho (m ²)	132,6	0,3
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	13	Số bộ 01/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	13	Số bộ 01/nhóm (lớp)
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu theo quy định	0	
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	23	11,5/1sân chơi
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)		
1	Ti vi	13	
2	Máy vi tính	13	
3	Máy in	13	
4	Đầu đĩa/đầu video	3	
5	Bộ âm thanh	4	
6	Máy ảnh	0	

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân			
7	Máy chiếu	2				
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác		Số thiết bị/nhóm (lớp)			
1	Nhạc cụ (Đàn organ, ghi ta, trống)	3				
2	Máy photo	2				
3	Máy vi tính phục vụ quản lý	8				
4	Bàn ghế đúng quy cách của trẻ	13 lớp				
5	Tủ đựng đồ dùng	13				
6	Giá đồ chơi	104				
7	Thiết bị khác					
..					
XI	Nhà vệ sinh	Số lượng (m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	6	13		0,4	
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					
(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ GDĐT về Điều lệ trường mầm non và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu-điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)						
			Có		Không	
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh		x			
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)				x	
XIV	Kết nối internet (ADSL)		x			
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục		x			
XVI	Tường rào xây		x			
..	...					

Hồng Bàng ngày 08 tháng 9 năm 2023



Phạm Thanh Mai

THÔNG BÁO

Công khai các thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
Năm học 2023-2024

ST T	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp				Chuẩn nghề nghiệp			
			ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	42	2	26	1	8	5		12	9	8				
I	Giáo viên	26		24	1	1			9	9	8				
1	Nhà trẻ	4		2	1	1				1	2				
2	Mẫu giáo	22		22					12	8	6				
II	Cán bộ quản lý	3	2	1					3						
1	Hiệu trưởng	1	1						1						
2	Phó hiệu trưởng	2	1	1					2						
III	Nhân viên	13		1	0	7	5								
1	Nhân viên văn thư														
2	Nhân viên kế toán	1		1											
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên Y tế														
5	Nhân viên nuôi dưỡng	7				7									
6	Nhân viên khác	5					5								

Hồng Bàng, ngày 08 tháng 9 năm 2023



HIỆU TRƯỞNG

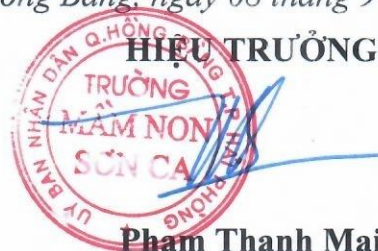
Phạm Thanh Mai

THÔNG BÁO

Công khai số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng trong năm học 2023-2024 và 02 năm tiếp theo

TT	Thời gian đào tạo, bồi dưỡng	Đối tượng tham gia	Số lượng người tham gia	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Hình thức đào tạo, bồi dưỡng	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng
1	Năm học 2023-2024	CBGV, NV	42	Bồi dưỡng chính trị hè 2023	Tập trung, trực tuyến	
2	Năm học 2023-2024	CBQL, TTCM	7	Bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn cho CBQL và GVMN	Tập trung	
3	Năm học 2023-2024	CBQL, TTCM	8	Bồi dưỡng thực hiện chương trình giáo dục Steam cho trẻ mẫu giáo	Tập trung	
4	Năm học 2022-2023	CBGV, NV	42	Bồi dưỡng kiến thức PCCC	Tập trung	
5	Năm học 2023-2024	Nhân viên nuôi dưỡng	7	Bồi dưỡng kiến thức ATTP	Tập trung	
6	Năm học 2023-2024	Giáo viên	26	Bồi dưỡng chuyên môn	Tập trung	
7	Năm học 2023-2024	Nhân viên	7	Bồi dưỡng chuyên môn nuôi dưỡng	Tập trung	
8	Năm học 2023-2024	Giáo viên	1	Lớp trung cấp chính trị	Tại chức	Trung cấp chính trị

Hồng Bàng, ngày 08 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thanh Mai

UBND QUẬN HỒNG BÀNG
TRƯỜNG MẦM NON SƠN CA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 21/KH-MNSC

Quán Toan, ngày 08 tháng 9 năm 2023

KẾ HOẠCH **Xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia giai đoạn 2020-2025**

Căn cứ Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhân đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non;

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Thực hiện Công văn số 551/SGDDT ngày 17/3/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng v/v hướng dẫn thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục; Công văn số 74/PGDDT ngày 25/3/2022 của PGD&ĐT v/v triển khai hướng dẫn thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục.

Trường mầm non Sơn Ca xây dựng kế hoạch trường chuẩn Quốc gia giai đoạn 2020-2025 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Nâng cao chất lượng công tác quản lý, chỉ đạo chăm sóc giáo dục toàn diện trong nhà trường để đáp ứng được yêu cầu hiện nay.

- Bổ sung cơ sở vật chất cho công tác chăm sóc giáo dục trong nhà trường đạt hiệu quả.

- Nhằm nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường và phụ huynh, nhân dân trên địa bàn phường về nhiệm vụ xây dựng trường chuẩn Quốc gia theo Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhân đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non.

Nhà trường phấn đấu thực hiện tốt 5 tiêu chuẩn sau:

1. Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường
2. Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên
3. Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học
4. Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội
5. Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

II. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CỦA NHÀ TRƯỜNG

1. Kết quả xây dựng trường chuẩn quốc gia

- Nhà trường chưa đủ các điều kiện để đạt trường chuẩn Quốc gia.

2. Kết quả tự đánh giá theo Thông tư hiện hành về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

2.1. Đánh giá các tiêu chí theo kiểm định chất lượng

2.1.1. Đánh giá tiêu chí mức 1,2 và 3:

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả				Nội dung không đạt
	Không đạt	Đạt			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	
Tiêu chuẩn 1					
Tiêu chí 1.1		x	x	x	
Tiêu chí 1.2		x	x	-	
Tiêu chí 1.3		x	x	x	
Tiêu chí 1.4		x	x	x	
Tiêu chí 1.5		x	x	x	
Tiêu chí 1.6		x	x	x	
Tiêu chí 1.7		x	x	-	
Tiêu chí 1.8		x	x	-	
Tiêu chí 1.9		x	x	-	
Tiêu chí 1.10		x	x	-	
Tiêu chuẩn 2					
Tiêu chí 2.1		x	x	x	
Tiêu chí 2.2		x	x	x	
Tiêu chí 2.3		x	x	x	
Tiêu chuẩn 3					
Tiêu chí 3.1		x	x		
Tiêu chí 3.2		x	x		
Tiêu chí 3.3		x	x		
Tiêu chí 3.4		x	x		
Tiêu chí 3.5		x	x	x	
Tiêu chí 3.6		x	x	-	
Tiêu chuẩn 4					
Tiêu chí 4.1		x	x	x	
Tiêu chí 4.2		x	x	x	
Tiêu chuẩn 5					
Tiêu chí 5.1		x	x	x	



Tiêu chí 5.2		x	x	x	
Tiêu chí 5.3		x	x	x	
Tiêu chí 5.4		x	x	x	

Kết luận: Trường chưa đạt kiểm định chất lượng giáo dục: Mức độ 3.

2.2. Đánh giá theo Chuẩn quốc gia: Trường chưa đạt Chuẩn quốc gia Mức độ 1.

3. Đánh giá chung

3.1. Điểm mạnh

Nhà trường có cơ cấu bộ máy tổ chức đầy đủ, đúng quy định của Điều lệ trường mầm non, Ban giám hiệu có năng lực quản lý và tổ chức tốt các hoạt động, bảo đảm quy chế dân chủ trong trường mầm non. Tập thể nhà trường là một khối đoàn kết, thống nhất và có trách nhiệm cao trong thực hiện mọi nhiệm vụ. Đội ngũ CBGVNV yêu nghề mến trẻ, thái độ gần gũi, thân thiện, có ý thức tự bồi dưỡng học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Hệ thống hồ sơ quản lý và theo dõi chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ được quản lý một cách hiệu quả, khoa học. Công tác quản lý chất lượng, kiểm tra, đánh giá trẻ đảm bảo chính xác, công bằng, khách quan dựa trên các văn bản quy phạm pháp luật về GDMN.

Chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ luôn được duy trì và nâng cao. Bộ phận chuyên môn tích cực nghiên cứu và tham mưu được các biện pháp cải tiến nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục giúp trẻ được phát triển toàn diện. Đa số trẻ khỏe mạnh, đoàn kết thân thiện với bạn bè, có ý thức giữ gìn, bảo vệ môi trường xung quanh, có nề nếp thói quen phù hợp với độ tuổi.

Nhà trường luôn được sự quan tâm của UBND quận đầu tư xây mới, sửa chữa các hạng mục như xây mới khu sân khấu, phòng phát triển thể chất, sơn phía ngoài các phòng ban....; Hàng năm trường đầu tư mua sắm, bổ sung các đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị dạy học theo hướng chuẩn, hiện đại và đã xây dựng được môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn, thân thiện, xanh - sạch - đẹp, đảm bảo phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ.

3.2. Hạn chế

- Đội ngũ giáo viên có trình độ đáp ứng yêu cầu, nhiệt tình, yêu nghề, mến trẻ nhưng một số còn hạn chế về khả năng sư phạm.

- Nhà trường đang thực hiện tốt chương trình giáo dục mầm non cho trẻ nhưng việc tiếp cận những chương trình hiện đại của nước tiên tiến để hỗ trợ và phát triển chương trình giáo dục mầm non còn hạn chế;

- Cơ sở vật chất kháng trang, sạch, đẹp nhưng diện tích chưa đảm bảo và chưa đủ điều kiện để đáp ứng trường chuẩn Quốc gia mức độ I và kiểm định chất lượng mức độ 3.

3.3. Nguyên nhân của hạn chế

- Một số giáo viên trẻ chưa có kinh nghiệm.
- Tiếp cận chương trình giáo dục mầm non tiên tiến còn chậm.
- Diện tích nhà trường không thể mở rộng do chật hẹp.

III. KẾ HOẠCH XÂY DỰNG TRƯỜNG ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA

1. Mục tiêu

Mục tiêu đến hết năm 2024 cải tiến điểm yếu duy trì các điểm mạnh đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 3.

2. Kế hoạch

Năm học: 2023-2024

- Tham mưu cấp trên đầu tư cơ sở vật chất kháng trang, hiện đại, xây dựng sửa chữa, mở rộng các hạng mục công trình được trình và phê duyệt.

- Bồi dưỡng trình độ sư phạm cho đội ngũ giáo viên.
- Tiếp cận chương trình mầm non tiên tiến.

IV. GIẢI PHÁP

1. Giải pháp về công tác chỉ đạo, tuyên truyền

- Tuyên truyền công tác xây dựng trường mầm non đạt kiểm định chất lượng mức độ 3 trong năm 2024 tại bảng tin, website...

2. Giải pháp cụ thể triển khai thực hiện cải tiến nâng cao chất lượng các tiêu chí, tiêu chuẩn, cải tạo điểm yếu trong báo cáo tự đánh giá của nhà trường.

3. Giải pháp về chính sách (Nguồn kinh phí).

4. Giải pháp kiểm tra, giám sát

- Định kỳ ban thanh tra nhân dân tổ chức kiểm tra giám sát công tác xây dựng trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục năm 2024.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban giám hiệu

- Có trách nhiệm tham mưu với chi bộ, phối hợp với công đoàn, chi đoàn xây dựng kế hoạch trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 3; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng bộ phận, cá nhân; thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện của các bộ phận để tổng hợp khen thưởng và báo cáo với cấp trên.

2. Cán bộ giáo viên, nhân viên



- Có trách nhiệm xây dựng khối đoàn kết trong nhà trường, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu và nhiệm vụ theo lĩnh vực được phân công.

- Tổ trưởng chuyên môn, giáo viên và nhân viên: Xây dựng kế hoạch hoạt động chung của tổ, lớp về đưa nội dung theo từng năm học...theo nhiệm vụ cụ thể; tham gia kiểm tra, đánh giá báo cáo công việc.

3. Các tổ chức đoàn thể

- Có trách nhiệm vận động khích lệ cán bộ, đoàn viên thực hiện có hiệu quả các chỉ tiêu kế hoạch của nhà trường đề ra.

- Công đoàn: Xây dựng kế hoạch phối hợp với chuyên môn tổ chức tốt các phong trào thi đua, vận động đoàn viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

- Chi đoàn thanh niên: Đăng ký thi đua trong các hoạt động thi đua của nhà trường, ngành, tham gia tuyên truyền công tác xây dựng trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục.

VI. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Ủy ban nhân dân quận

- Đẩy nhanh tiến độ xây mới khu sân khấu, phòng phát triển thể chất, sơn phía ngoài các phòng ban.

2. Phòng Giáo dục và Đào tạo

- Tích cực tham mưu với UBND quận quan tâm đến các đề xuất của nhà trường, bồi dưỡng, tổ chức học tập, tập huấn chương trình giáo dục mầm non tiên tiến áp dụng có hiệu quả.

3. Ủy ban nhân dân phường Quán Toan

- Tích cực tham mưu với UBND quận, ban ngành liên quan quan tâm đến các đề xuất của nhà trường, tạo điều kiện cho nhà trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 3.

Trên đây là kế hoạch xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2020-2025 của trường mầm non Sơn Ca./.

Nơi nhận:

- UBND, Phòng GD&ĐT quận Hồng Bàng;
- UBND phường Quán Toan;
- Các bộ phận có liên quan;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thanh Mai

THÔNG BÁO

Báo cáo quyết toán kinh phí năm học 2022-2023 (Từ tháng 9/2022 đến tháng 5/2023)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
I	CÁC KHOẢN THU, CHI NGOÀI NGÂN SÁCH VÀ KHOẢN THU HỘ, CHI HỘ		
I	Số thu phí, lệ phí		
1	Học phí (nếu có)		
1.1	Số dư năm trước chuyển sang		
1.2	Mức thu		
1.3	Tổng số thu trong năm		
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm		
1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (5)		
1.6	Số chi trong năm		
	Trong đó: - Bổ sung chi lương		
	- Chi tăng cường cơ sở vật chất		
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn		
	- Chi khác		
1.7	Số dư cuối năm		
	Dự kiến mức thu (2 năm học tiếp theo đối với GDMN; cả cấp học đối với		
1.8	khóa học đối với GDTX)		

2	Dạy thêm học thêm, học nghề (nếu có)		
	<i>(Mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)</i>		
2.1	Trông trẻ ngoài giờ		
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang		
2.1.2	Mức thu 330.000 đ		
2.1.3	Tổng số thu trong năm	436.309.000	
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	436.309.000	
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (5)		
2.1.6	Số chi trong năm	436.309.000	
	- Nộp thuế	8.726.180	0,02
	Số còn lại chi:	427.582.820	0,98
	- Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách lớp học	299.307.974	
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	106.895.705	
	- Chi khen thưởng, phúc lợi	21.379.141	
2.1.7	Số dư cuối năm	0	
3	Tài trợ, hỗ trợ (nếu có: chi tiết theo từng công trình, dự án)		
3.1		
3.1.1	Số dư năm trước chuyển sang		
3.1.2	Tổng số thu trong năm		
3.1.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm		
3.1.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (5)		
3.1.5	Số chi trong năm		



TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
	Trong đó: -		
	-		
	-		
3.1.6	Số dư cuối năm		
		
4	Dịch vụ: Trông giữ xe, căng tin, bán trú.... (Nếu có: <i>Liệt kê các dịch vụ thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)</i>		
4.1.	Trông coi xe	54.080.000	
4.1.1	Số dư năm trước chuyển sang		
4.1.2	Mức thu: Xe máy 50.000 đ, Xe đạp: 30.000 đ		
4.1.3	Tổng số thu trong năm	54.080.000	
4.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	54.080.000	
4.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (5)		
4.1.6	Số chi trong năm	54.080.000	
	- Nộp thuế	5.408.000	
	Số còn lại chi:	48.672.000	
	- Chi bảo vệ	37.856.000	
	- Chi cơ sở vật chất	10.816.000	
4.1.7	Số dư cuối năm		
5	Liên kết giáo dục: Kỹ năng sống, Tiếng Anh tăng cường, Tiếng Anh có yếu tố		
	bảng kê dưới đây		

5.1		
5.1.1	Số dư năm trước chuyển sang		
5.1.2	Mức thu		
5.1.3	Tổng số thu trong năm		
5.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm		
5.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (5)		
5.1.6	Số chi trong năm		
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy....		
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất		
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo.....		
	- Chi phúc lợi		
	- Chi khác:.....		
5.1.7	Số dư cuối năm		
		
6	Thu hộ, chi hộ: BHYT, Đoàn, Đội, đồng phục, sách vở, (Nếu có: Liệt kê các nội dung được thực hiện tại		
	<i>đơn vị theo số liệu thực tế, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)</i>		
6.1	Hỗ trợ NV nấu ăn		
6.1.1	Số học sinh		
6.1.2	Mức thu 115.000 đ/trẻ/tháng		
6.1.3	Tổng thu	156.285.000	
6.1.4	Đã chi	143.589.600	

6.1.5	Dư	12.695.400	
II	QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH		
TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
1	Ngân sách nhà nước		
1.1	Ngân sách chi thường xuyên		
	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang		
	- Dự toán được giao trong năm		
	Trong đó: + Dự toán giao đầu năm		
	+ Dự toán bổ sung trong năm		
	+ Kinh phí giảm trong năm		
	- Kinh phí thực nhận trong năm		
	- Kinh phí quyết toán		
	- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng		
	vào quyết toán, bao gồm:		
	+ Kinh phí đã nhận		
	+ Dự toán còn dư ở Kho bạc		
1.2	Ngân sách chi không thường xuyên		
	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang		
	Dự toán được giao trong năm		
	Trong đó: + Dự toán giao đầu năm		
	+ Dự toán bổ sung trong năm		
	+ Kinh phí giảm trong năm		
	- Kinh phí thực nhận trong năm		

TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
	- Kinh phí quyết toán		
	- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng		
	vào quyết toán, bao gồm:		
	+ Kinh phí đã nhận		
	+ Dự toán còn dư ở Kho bạc		
2	Tình hình thực hiện kiến nghị của cơ quan Kiểm toán,		
	thanh tra, cơ quan tài chính		
	Tổng số kinh phí phải nộp ngân sách		
	Tổng số kinh phí đã nộp ngân sách		
	Tổng số kinh phí còn phải nộp		
III	NỘI DUNG ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (Nếu có: Chi tiết từng nguồn)		
1	Học phí		
	Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm		
	Trong đó: - Trích lập các quỹ		
	+ Quỹ.....		
	+ Quỹ.....		
	+ Quỹ.....		
	- Kinh phí cải cách tiền lương		
2	Học thêm		
	Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm		
	Trong đó: - Trích lập các quỹ		

TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
	+ Quỹ.....		
	+ Quỹ.....		
	+ Quỹ.....		
	- Kinh phí cải cách tiền lương		
III	MỨC THU NHẬP HÀNG THÁNG		
1	Mức thu nhập của CBQL		
	Mức cao nhất (đ/người/năm)		
	Mức bình quân (đ/người/năm)		
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)		
2	Mức thu nhập của giáo viên		
	Mức cao nhất (đ/người/năm)		
	Mức bình quân (đ/người/năm)		
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)		
IV	MỨC CHI CHO HỌC SINH		
1	Mức chi thường xuyên/học sinh (đ/hs/năm học)		
2	Mức chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm thiết bị (đ/hs/năm học)		

Quận... ngày ..08 tháng 9... Năm 2023

NGƯỜI LẬP

Shu
Phạm Thảo Anh Thư

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thanh Mai

T.P. HẢI D.